

Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch từ Hán sang Việt và lược giải.

## Kinh Thủ Lăng Nghiêm



Lời dịch giả

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm này được dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán vào đời nhà Đường, Trung Quốc, do sa môn Ấn Độ Bất La Mật Đế dịch nghĩa, sa môn Di Già Thích Ca người nước U Trùng dịch lời, Quan Chánh Nhị Đại Phu nhà Đường Phòng Dung chấp bút.*

*Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại: văn ngôn đời xưa quá súc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời. Người xưa nói: "Đọc chỗ chẳng có chữ" là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào để sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng, lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm.*

*Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa, để cho người đọc dễ hiểu, nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn, xin độc giả từ bi hoan hỷ cho.*

*Thích Duy Lực*

*Chân thành cảm ơn cư sĩ Tâm Diệu đã gửi tặng bản VNI của dịch phẩm.*

**Kinh Thủ Lăng Nghiêm**

## Quyển I

### Kinh Thủ Lăng Nghiêm

Tôi nghe như vậy. Lúc bấy giờ tại tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, đức Phật và chúng đại tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là đại A La Hán, đã ra khỏi luân hồi, đầy đủ oai nghi, giúp Phật hoằng pháp nơi các quốc độ, trì giới thanh tịnh, làm mô phạm cho tam giới, ứng hiện vô số thân, hóa độ chúng sanh đến cùng tột vị lai ra khỏi trần lao. Hàng đệ tử được phó chúc trụ trì Phật pháp gồm có: Đại trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đà La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà, v.v... là bậc thượng thủ, và có vô số bích chi môn đồ đồng đến nơi Phật cùng các tỳ kheo mãn hạ tự tứ. Khi ấy, mười phương Bồ Tát tuân theo lời Phật sẽ cầu mật nghĩa, hỏi đạo để quyết nghị.

Bấy giờ, Như Lai trải tòa ngồi yên vì đại chúng trong hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới, hằng sa Bồ Tát đều đến tụ họp, trong đó Văn Thù Sư Lợi là bậc thượng thủ.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày giỗ của phụ vương làm lễ trai tăng, sắm đủ các món ăn quý báu, đích thân đến thỉnh Phật và chư đại Bồ Tát vào cung thọ trai. Trong thành còn có nhiều trưởng giả, cư sĩ khác cũng cùng ngày thiết lễ trai tăng, thỉnh Phật đến thọ cúng dường. Phật sai Văn Thù dẫn đầu chư Bồ Tát và A La Hán, chia thành nhiều nhóm, ứng lời mời đến thọ trai nơi các trai chủ. Chỉ có A Nan được vị khác mời riêng, đi xa chưa về, không kịp cùng dự với tăng chúng.

Lúc ấy, trên đường trở về, một mình A Nan chẳng có thượng tọa và a xà lê cùng đi, ngày đó lại không ai mời đi cúng dường, trong tâm mong cầu gặp được vị trai chủ sau cùng. Trước kia, A Nan đã từng nghe Phật quả Tu Bồ Đề và Đại Ca Diếp, là bậc A La Hán, mà người chuyên chọn khất thực nhà giàu, người chuyên chọn khất thực nhà nghèo, tâm chẳng bình đẳng, quyết tuân theo pháp bình đẳng bất nhị của Như Lai, để tránh mọi sự chê bai và nghi hoặc, trong tâm cho rằng: Đối với trai chủ, chẳng kể quý tộc hay hèn hạ, thức ăn dơ sạch, phát tâm từ bi để thành tựu cho tất cả chúng sanh đều được gieo trồng vô lượng công đức. Vừa nghĩ như vậy, tay ôm bình bát, đi từng nhà dọc theo đường phố, oai nghi nghiêm chỉnh, đúng pháp khất thực. Lúc A Nan đang khất thực đi ngang nhà dâm, bị nàng huyễn thuật Ma Đăng Già dùng tà chú Phạm Thiên của ngoại đạo tóc vàng nhiếp vào nhà dâm, vuốt ve cám dỗ, sắp bị hoại giới thể.

Phật đã biết trước việc này, thọ trai xong, liền về, vua và đại thần, trưởng giả

cư sĩ, đều đi theo Phật, xin nghe pháp yếu.

Bấy giờ, đánh đầu Thế Tôn phóng ra hào quang bách bửu vô úy, trong hào quang nở ra bửu liên hoa ngàn cánh, trên đó có hóa thân Phật ngồi kiết già thuyết thần chú, sai Văn Thù đem chú đến cứu hộ, tà chú tiêu diệt, dắt A Nan và Ma Đăng Già về nơi Phật ở.

A Nan gặp Phật, đánh lễ rơi lệ, hồi hận xưa nay chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa tròn đạo lực, nay ân cần thỉnh hỏi Như Lai về phương tiện đầu tiên của ba thứ thiền quá: Sa Ma Tha, Tam Ma, và Thiền Na, mà mười phương Như Lai đã tu được thành chánh giác. Khi đó có hằng sa Bồ Tát và các bậc Đại A La Hán, Bích Chi Phật nơi mười phương đều xin cùng nghe, im lặng ngồi yên để lãnh thọ pháp yếu của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn gơ tay dịu dàng sờ đầu A Nan, nói với A Nan và đại chúng:

"Có pháp Tam Ma Đề, gọi là Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Vương, bao hàm vạn hạnh, là đường lối vi diệu trang nghiêm, cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của mười phương Như Lai, nay người hãy chú ý nghe." A Nan đánh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo A Nan:

"Người và ta là anh em, cùng một giống nòi, chẳng biết lúc mới phát tâm, ở nơi pháp ta, người thấy tướng thù thắng gì liền xả ân ái sâu nặng của thế gian?"

A Nan bạch Phật:

"Con thấy ba mươi hai tướng thù thắng tuyệt diệu của Như Lai, hình thể trong sáng như lưu ly, thường tự nghĩ tướng này chẳng do dục ái sanh ra. Tại sao? Vì dục ái ô nhiễm xấu xí, cấu kết tinh huyết nhơ bẩn chẳng thể sanh ra diệu tướng quang minh, thanh tịnh thù thắng như thế, do đó nên khâm mộ theo Phật xuất gia."

Phật nói:

"Lành thay! A Nan, các người nên biết, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, thể tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng, vọng tưởng chẳng chơn nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lìa khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng, như thế từ đầu đến cuối, cho đến các ngôi bậc, ở khoảng giữa chẳng có các tướng quanh co.

Nay người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề, phát minh chơn tánh, hãy trực tâm mà trả lời câu hỏi của ta. A Nan, nay ta hỏi người: lúc người phát tâm duyên theo ba mươi hai tướng của Như Lai, lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?"

"Bạch Thế Tôn, dùng tâm và mắt của con thấy tướng thù thắng của Như Lai, sanh lòng ham thích nên phát tâm, nguyện xả bỏ sanh tử."

Phật bảo:

"Nhu người vừa nói, sự ham thích do nơi tâm và mắt. Nếu chẳng biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng thể hàng phục được trần lao; ví như đất nước có giặc, vua sai binh dẹp trừ, binh lính tất phải biết sào huyệt của giặc. Khiến người bị luân chuyển ấy là lỗi tại tâm và mắt. Ta hỏi người: tâm và mắt của người hiện đang ở đâu?"

**Bảy chỗ gạn hỏi tìm tâm**

**Phá chấp tâm ở trong thân**

"Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt thanh liên hoa của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy."

Phật bảo:

"A Nan! Nay người ngồi trong giảng đường của Như Lai, nhìn thấy rừng Kỳ Đà ở chỗ nào?"

"Bạch Thế Tôn! Giảng đường rộng rãi thanh tịnh này trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường."

"A Nan! Bây giờ người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì?"

"Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây."

"A Nan! Người thấy rừng cây, do nhân nào được thấy?"

"Bạch Thế Tôn! Vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con ở trong thấy suốt bên ngoài."

Phật bảo A Nan:

"Nhu người vừa nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây, mà có chúng sanh nào ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài chăng?"

"Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng."

"A Nan! Người cũng như vậy, linh tâm của người tất cả sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của người thật ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chăng? Dẫu chẳng thấy được tim, gan, tỳ, vị, thì các chỗ: móng ra, tóc dài, gân chuyển cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân còn chẳng thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Cho nên người nói "cái tâm giác tri trụ ở trong thân" là chẳng đúng. (Tự tánh bất nhị, vốn chẳng có nghĩa đúng và chẳng đúng, chỉ vì trị bệnh chấp thật nên nói chẳng đúng.)

**Phá chấp tâm ở ngoài thân**

A Nan cúi đầu bạch Phật:

"Con nghe lời dạy của Như Lai, ngộ được tâm con thật ở ngoài thân. Tại

sao? Ví như đèn thấp trong phòng thì trước phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa rọi ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật chẳng sai ư?"

Phật bảo A Nan:

"Các tỳ kheo vừa theo ta khát thực trong thành rồi trở về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai xong, người thử nghĩ, trong số tỳ kheo, chỉ một người ăn mà các vị khác được no chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Không ạ! Tại sao? Dù các tỳ kheo đều là bậc A La Hán, nhưng cơ thể chẳng đồng, đâu thể một người ăn mà khiến cả chúng đều no."

"A Nan! Nếu tâm giác tri của người thật ở ngoài thân thì trong ngoài khác nhau, chẳng có liên quan, hề tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết. Nay ta đưa tay cho người xem, trong lúc mắt thấy, tâm người biết được chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Vâng biết."

"A Nan! Nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì sao lại nói tâm ở ngoài thân? Nên biết, người nói "tâm giác tri trụ ở ngoài thân" là chẳng đúng."

### **Phá chấp tâm ẩn núp sau con mắt**

"Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, chẳng thấy bên trong nên chẳng ở trong thân; thân tâm cùng biết một lượt chẳng thể rời nhau nên chẳng ở ngoài thân, nay con thiết nghĩ tâm ở một chỗ."

"Ở chỗ nào?"

"Tâm giác tri này đã chẳng biết trong mà thấy bên ngoài, theo con nghĩ là nó ẩn núp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai mắt (ngày nay có thể nói là đeo kính), tuy có vật núp ở ngoài mà chẳng ngại nhãn căn, tùy sự thấy liền phân biệt được. Tâm giác tri của con chẳng thấy bên trong vì ở nơi con mắt, thấy rõ ràng bên ngoài vì ẩn núp sau con mắt."

Phật bảo A Nan:

"Theo lời người nói, tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly, vậy thì lúc thấy núi sông, mắt thấy chén lưu ly chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Thật thấy chén lưu ly."

"A Nan, con mắt núp sau chén lưu ly thì thấy được chén lưu ly; còn tâm núp sau con mắt sao chẳng thấy mắt? Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh, cảnh làm sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì người nói "tâm giác tri ẩn núp sau con mắt" là chẳng đúng."

### **Phá chấp nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân**

"Bạch Thế Tôn! Nay con lại thiết nghĩ rằng, thân thể của chúng sanh, tạng phủ ở trong, khiếu huyết (ngũ căn) ở ngoài, nơi tạng thì tối, nơi khiếu thì sáng. Nay con ở trước mặt Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài,

nhắm mắt thấy tôi gọi là thấy trong thân, nghĩa này thế nào?"

Phật bảo A Nan:

"Khi người nhắm mắt thấy tôi, cái cảnh tôi ấy là đối với mắt hay chẳng đối với mắt?"

Nếu đối với mắt thì tôi ở trước mắt, tức ở ngoài thân, sao nói ở trong thân?

Giả sử cho tôi là trong thân thì lúc trong phòng tôi chẳng có ánh sáng, những gì trong phòng tôi đều là tạng phủ của người sao?

Nếu chẳng đối với mắt thì làm sao được thấy? Nếu là sự thấy bên ngoài, thành lập sự thấy đối vào trong, khi nhắm mắt thấy tôi gọi là thấy trong thân; vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt?

Lại nếu chẳng thấy mặt thì cái nghĩa "con mắt đối vào trong" chẳng thể thành lập; nếu thấy mặt thì tâm giác tri và nhãn căn đều ở tại hư không, làm sao nói ở trong.

Lại nếu ở ngoài hư không thì chẳng phải thân người, tức hiện nay Như Lai thấy mặt người cũng là thân người sao? Vậy mắt người thấy biết thì thân người chẳng biết. Nếu người cho thân và mắt cùng biết một lượt, thì phải có hai cái biết, tức một thân người phải thành hai Phật! Nên biết người nói "thấy tôi gọi là thấy trong thân" là chẳng đúng."

### **Phá chấp sự suy nghĩ là tâm**

"Con đã từng nghe Phật khai thị chúng rằng: tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh. Nay con suy nghĩ, chính cái suy nghĩ ấy là tâm của con; tùy sự suy nghĩ tâm liền có, cũng chẳng ở trong, ngoài và chính giữa."

"A Nan, người nói pháp sanh nên các tâm sanh, tùy sự suy nghĩ tâm liền có. Tâm chẳng có tự thể thì chẳng thể suy nghĩ; nếu chẳng có tự thể mà suy nghĩ được thì vô căn phải thấy được vô trần, nghĩa này chẳng đúng.

Nếu có tự thể thì người thử dùng tay tự búng thân mình xem, cái tâm biết của người là từ trong thân ra hay từ bên ngoài ra? Nếu từ bên trong ra thì phải thấy trong thân; nếu từ bên ngoài ra thì trước tiên phải thấy mặt.

Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa.

Nếu thấy con mắt thì người ở trong phòng, cửa biết thấy chăng? (phòng dụ cho thân, cửa dụ cho mắt). Như kẻ đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra phải thấy được vật, nếu thấy được vật thì sao gọi là chết?

Lại tâm hay biết của người nếu thật có tự thể, là một thể hay nhiều thể? Nay nơi thân người, tâm cùng khắp cơ thể hay chẳng cùng khắp?

Nếu nói một thể, khi tay người búng một chi, lẽ ra tứ chi đều biết, nếu đều biết thì chỗ búng chẳng có, nếu có chỗ búng thì chẳng phải một thể. Nếu như nhiều thể thì thành nhiều người, vậy thể nào là của người?

Nếu nói khắp cả cơ thể thì đồng như sự búng kẻ trên, nếu chẳng khắp thì khi

ngươi rờ đầu và chân, đầu có biết chân phải không biết, nhưng hiện nay ngươi lại chẳng phải như vậy. Nên biết ngươi nói "tùy sự suy nghĩ tâm liền có" là chẳng đúng."

### **Phá chấp tâm ở chính giữa**

"Bạch Thế Tôn! Khi Phật với Văn Thù và các Pháp Vương Tử luận về thật tướng, con cũng nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ, vì chẳng biết trong nên chẳng phải ở trong, thân tâm cùng biết một lượt nên chẳng phải ở ngoài, nay cùng biết một lượt mà chẳng thấy bên trong, tất phải ở giữa."

"Ngươi nói "ở giữa" thì cái chính giữa ấy phải rõ ràng, chẳng phải không chỗ. Theo ngươi suy xét, giữa ở chỗ nào? Ở nơi xứ (12 xứ, gồm cả lục căn, lục trần) hay ở nơi thân?

Nếu ở nơi thân, nơi ngoài da thì chẳng phải là giữa; ở giữa thì đồng như ở trong. Nếu ở nơi xứ, là có thể nêu ra hay chẳng thể nêu ra? Nếu chẳng thể nêu ra thì đồng như không có; nếu có thể nêu ra lại chẳng định được chỗ nào. Tại sao? Ví như người cắm cây nêu làm chính giữa, nhìn từ phương Đông thì cho cây nêu ở phương Tây, nhìn từ phương Nam thì cho cây nêu ở phương Bắc, cái thể giữa được nêu ra đã lẫn lộn thì tâm cũng thành rối loạn, chẳng rõ ở đâu."

A Nan thưa:

"Con nói "chính giữa" chẳng phải hai thứ này. Như Thế Tôn nói: nhãn căn và sắc trần duyên nhau sanh ra nhãn thức. Nhãn căn phân biệt, sắc trần vô tri, thức sanh nơi giữa, tức là tâm vậy."

Phật bảo:

"Nếu tâm ngươi ở giữa căn trần, vậy tâm thể này gồm cả hai tay chẳng gồm? Nếu gồm cả hai thì vật và thể xen lộn, vật là vô tri, thể thì có biết, thành hai thứ đối địch, lấy gì làm giữa? Nếu lìa biết (căn) và không biết (trần) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa? Nên biết ngươi nói "tâm ở chính giữa" là chẳng đúng."

### **Phá chấp "tất cả vô trước" là tâm**

"Bạch Thế Tôn! Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử (Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, và Xá Lợi Phất) cùng chuyển pháp luân, thường nói "cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào, tất cả vô trước gọi là tâm". Vậy con vô trước, được gọi làm tâm chẳng?"

Phật bảo A Nan:

"Ngươi nói cái tâm giác tri chẳng ở chỗ nào cả, vậy như các loài bay trên hư không, ở dưới nước và trên bờ, gọi là tất cả vật tượng của thế gian mà ngươi vô trước đó, là có hay không? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, nói gì vô trước? Nếu có sự vô trước thì chẳng thể gọi là không. Không tướng mới

không, chẳng không thì có tướng, tâm đã chấp có tướng, thì còn nói gì vô trước? Nên biết, nói "tất cả vô trước gọi là tâm giác tri" là chẳng đúng."

\* \* \*

### **Lược giải**

*Ở đây nêu ra bảy chỗ gạn hỏi, ý Phật là muốn đưa A Nan thẳng đến chỗ tự ngộ, lời Phật chẳng phải chơn lý. Phật chỉ dùng thuốc giả để trị bệnh giả của A Nan. Tại sao nói là bệnh giả? Vì những kiến chấp của A Nan vốn chẳng thật. Tại sao nói thuốc giả? Vì lời phá chấp của Phật cũng chẳng thật.*

*Cũng như A Nan nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, cho đến nói vô trước là tâm, kỳ thật không phải có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai, vì chấp nhất định ở một chỗ, nên Phật nói chẳng đúng. Nếu bệnh chấp chưa hết thì có thể nêu ra vô số chỗ, chứ đâu phải chỉ có bảy chỗ ư? Nếu bệnh chấp đã hết thì một chỗ cũng chẳng có, nói gì đến bảy chỗ!*

*Tự tánh vốn bất nhị, nếu chấp theo lời Phật, cho "thật chẳng ở trong" là nhị, cho "thật chẳng ở ngoài" cũng là nhị, cho đến bất cứ có ở một chỗ nào, hay chẳng ở một chỗ nào đều là nhị. Tại sao? Vì nếu có ở một chỗ này thì những chỗ kia không có, chỗ có chỗ không tức là nhị. Nên Phật nói: phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa (phàm có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.)*

\* \* \*

Bấy giờ, A Nan ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chấp tay cung kính bạch Phật:

"Con là em út của Như Lai, được Phật thương mến, nay dù xuất gia nhưng còn y lại nơi lòng thương của Phật, chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa được vô lậu, chẳng uổng đẹp được tà chú, bị nhiếp vào nhà dâm, chỉ vì chẳng biết chỗ đến của Chơn Thật. Kính mong Thế Tôn từ bi thương xót, khai thị cho chúng con đường lối tu thiền quá Sa Ma Tha, khiến kẻ xiển đề xóa bỏ ác kiến."

Nói xong, đánh lễ, năm vóc gieo sát đất, cùng đại chúng khao khát kính nghe chỉ dạy.

Lúc ấy, Thế Tôn từ trên mặt phóng ra đủ thứ hào quang, sáng lạn như trăm ngàn mặt trời, chiếu khắp các thế giới Phật, khiến thành sáu thứ rung động, mười phương vô số quốc độ đồng thời hiện ra. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới, tất cả chư Đại Bồ Tát trong thế giới đều an trụ nơi quốc độ của mình, chấp tay lắng nghe.

Phật bảo A Nan:

"Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ thứ điên đảo tạo thành giống nghiệp, kết tụ nghiệp nhân thành quả luân hồi. Những người tu hành chẳng được chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, trở thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc

thành cõi trời ngoại đạo, ma vương và quyền thuộc ma vương, đều do chẳng biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu cho trải qua nhiều kiếp cũng chẳng đắc đạo.

Thế nào là hai thứ căn bản?

Một là căn bản của sanh tử từ vô thủy, tức là nay nhận tâm phan duyên làm tự tánh của người và chúng sanh.

Hai là bản thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề niết bàn từ vô thủy, tức là cái bản thức vốn sáng tỏ, hay sanh các duyên mà bị các duyên che khuất thành lạc mất của người. Vì chúng sanh lạc mất bản thức sáng tỏ, dù hàng ngày sống trong bản thức mà chẳng tự biết, oan uổng vào lục đạo.

A Nan, nay người muốn biết đường tu thiền quán Sa Ma Tha, mong ra khỏi sanh tử, vậy ta hỏi người."

Liền đó, Như Lai giơ cánh tay sắc vàng co năm ngón tay, bảo A Nan:

"Người có thấy chăng?"

A Nan đáp:

"Thấy."

Phật bảo:

"Người thấy cái gì?"

A Nan đáp:

"Con thấy Như Lai giơ tay, co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm và mắt con."

Phật bảo:

"Người dùng cái gì để thấy?"

"Con và đại chúng đều dùng mắt thấy."

Phật bảo A Nan:

"Theo lời người đáp, Như Lai co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm mắt của người, vậy lúc nắm tay ta chói rọi, mắt người thấy được, lấy gì làm tâm?"

A Nan đáp:

"Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, còn dùng tư tưởng suy tìm, thì cái hay suy tìm ấy, con cho là tâm."

Phật bảo:

"Sai rồi, A Nan! Cái ấy chẳng phải tâm người."

A Nan giựt mình đứng dậy, chấp tay bạch Phật rằng:

"Cái ấy chẳng phải tâm con thì gọi là cái gì?"

Phật bảo A Nan:

"Ấy là tướng vọng tưởng của tiền trần, mê hoặc chơn tánh của người. Do người xưa nay nhận giấc làm con, lạc mất bản thức chơn thường, nên bị luân chuyển."

"Bạch Thế Tôn! Con là em cưng của Phật, vì mến Phật nên xuất gia. Tâm

con chẳng những cúng dường Như Lai, mà còn muốn trải khắp hằng sa quốc độ, phụng sự chư Phật và thiện tri thức, phát tâm dũng mãnh, làm những Phật sự khó làm, đều dùng tâm này; dầu cho báng pháp, bỏ hẳn thiện căn cũng vì tâm này. Nếu Thế Tôn phát minh cái ấy chẳng phải tâm, vậy con thành không có tâm, đồng như đất gỗ, lìa giác tri này chẳng còn gì cả, sao Như Lai nói cái ấy chẳng phải tâm? Con thật kinh sợ, và cả đại chúng đều chẳng khỏi nghi hoặc, kính mong Thế Tôn rũ lòng từ bi, khai thị cho kẻ chưa ngộ."

Bấy giờ, Thế Tôn muốn cho A Nan và đại chúng đều được chứng nhập vô sanh pháp nhẫn, nơi tòa sư tử, xoa đầu A Nan khai thị rằng:

"Như Lai thường nói: chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần đều do tâm này mới thành có thể tánh. A Nan, tất cả sự vật trên thế gian, cho đến cỏ, lá, chỉ mảnh, cứu xét cội gốc đều có thể tánh, dầu cho hư không cũng có danh hiệu, huống là cái tánh trong sạch sáng tỏ của tất cả tâm lại chẳng có tự thể ư? Nếu người chấp thật cái tánh giác tri phân biệt cho là tâm, thì tâm này lìa tất cả sự vật lục trần phải riêng có tự thể (chẳng theo cảnh trần sanh diệt). Như người hiện nay đang nghe thuyết pháp, là do âm thanh nên có phân biệt; dầu cho diệt hết tất cả kiến, văn, giác, tri, trong giữa u nhân, cũng còn là bóng phân biệt của pháp trần.

Ta chẳng bảo người chấp thật phi tâm, nhưng người hãy xét kỹ nơi tâm: nếu lìa tiền trần mà có tự thể của tánh phân biệt; tức là chơn tâm của người. Nếu tánh phân biệt lìa trần chẳng có tự thể, ấy là bóng phân biệt của tiền trần. Trần chẳng thường trụ, khi biến diệt thì tâm này đồng như lông rùa, sừng thỏ, vậy pháp thân của người thành ra đoạn diệt, còn ai tu chứng vô sanh pháp nhẫn? (cảnh trần có hai loại: đối với ngũ căn gọi là tiền trần, đối với ý căn gọi là pháp trần)."

Tức thời, A Nan cùng đại chúng im lặng ngơ ngác, chẳng còn lý lẽ gì để nói nữa.

Phật bảo A Nan:

"Tất cả người tu học trên thế gian, vì chưa dứt sạch tập khí phiền não, dù đã tu đến chín bậc thiền định, chẳng thành quả A La Hán, đều do chấp trước sanh tử vọng tưởng, cho là chơn thật, nên người dầu được học rộng nghe nhiều, chẳng chứng thánh quả."

A Nan nghe rồi, lại đau xót rơi lệ, năm vóc gieo sát đất, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

"Từ khi con phát tâm xuất gia, y cậy oai thần của Phật, thường nghĩ rằng chẳng nhọc tự tu, cho rằng Như Lai sẽ ban cho tam muội, không biết thân tâm vốn chẳng thể thay thế nhau được, nên lạc mất bản tâm; thân dù xuất gia, tâm chẳng nhập đạo, như đứa con nghèo bỏ cha chạy trốn. Đến nay mới biết, dầu cho học rộng nghe nhiều, nếu chẳng tu hành thì khác gì người

chẳng nghe! Cũng như nói ăn mà không ăn thì làm sao được no!

Thế Tôn! Hiện nay chúng con bị hai chướng ràng buộc (phiền não chướng và sở tri chướng), vì chẳng biết tự tánh thường tịch, mong Như Lai thương xót kẻ khốn cùng, khai phát diệu tâm, sáng tỏ đạo nhãn cho chúng con."

Lúc ấy, Như Lai từ chữ vạn trước ngực phóng ra hào quang, rực rỡ trăm ngàn màu sắc, đồng thời chiếu khắp mười phương vô số quốc độ Phật, soi khắp đỉnh đầu tất cả Như Lai trong mười phương bửu sát, rồi xoay về soi cả đầu A Nan cùng đại chúng, bảo A Nan rằng:

"Nay ta vì người dựng đại pháp tràng, khiến mười phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh. A Nan, trước người trả lời thấy nắm tay chói sáng, vậy cái nắm tay này do đâu mà có? Làm sao thành nắm tay? Người lấy gì để thấy?"

A Nan đáp:

"Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật sanh ra hào quang, ngón tay Phật co nắm lại thành nắm tay, chính mắt con thấy tướng nắm tay vậy."

Phật bảo A Nan:

"Hôm nay ta nói thật cho nghe: những người có trí cũng phải nhờ thí dụ mới được khai ngộ. A Nan, ví như tay của ta, nếu chẳng có cánh tay thì chẳng thành nắm tay của ta, nếu chẳng có con mắt người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của người so với nắm tay của ta, hai nghĩa giống nhau chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Vâng giống. Nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy của con, vậy đem nhãn căn của con so với nắm tay của Như Lai, hai nghĩa giống nhau."

Phật bảo A Nan:

"Người nói giống nhau, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao? Như người không có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay, nhưng người không có mắt thì chẳng phải không thấy. Vì sao? Người thử hỏi người mù có thấy gì chẳng? Người ấy ắt sẽ trả lời: "Nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chẳng còn thấy gì khác." Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối, sự thấy đâu có giảm bớt!"

A Nan nói:

"Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy?"

Phật bảo A Nan:

"Người mù không có mắt, chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong phòng tối, cũng chỉ thấy tối đen, hai thứ tối đen ấy có khác hay chẳng khác?"

"Bạch Thế Tôn! Thật chẳng có khác."

"A Nan! Nếu người không có mắt, thấy toàn tối đen, bỗng được mắt sáng, liền thấy các sắc tướng trước mắt, gọi là "mắt thấy", người ở trong phòng tối cũng toàn thấy tối đen, bỗng được đèn sáng, cũng thấy các sắc tướng trước

mắt, thì phải gọi là "đèn thấy". Nếu đèn có thấy thì chẳng được gọi là đèn, lại đèn thấy thì có dính dáng gì đến người? Vậy biết, đèn chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là mắt, chẳng phải đèn; mắt chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tâm, chẳng phải mắt."

A Nan và đại chúng dù nghe lời Phật nói vậy, miệng tuy im lặng, nhưng tâm vẫn chưa ngộ, mong được giảng rõ thêm, nên thành tâm chấp tay, đợi Phật dạy bảo.

Bây giờ, Thế Tôn duỗi cánh tay sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo A Nan và đại chúng.

"Lúc ta mới thành đạo nơi Lộc Viên, có nói với năm vị tỳ kheo và tứ chúng rằng: tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ Đề và chứng quả A La Hán, đều tại làm theo phiền não khách trần. Lúc đó, các người do đâu được khai ngộ, nay chứng thánh quả?"

Khi ấy, Kiều Trần Như đứng dậy bạch Phật:

"Con là bậc trưởng lão trong chúng được gọi là hiểu rộng biết nhiều, vì ngộ hai chữ Khách Trần nên được chứng quả. Thế Tôn, ví như người đi đường vào nghỉ ở khách sạn, ăn ngủ xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại, còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu. Vậy chẳng trụ là khách, trụ gọi là chủ, nên lấy sự "chẳng trụ" làm nghĩa chữ Khách.

Cũng như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua kẽ hở, thấy rõ tướng bụi trần lăng xăng nơi hư không. Trần thì lay động, hư không tịch nhiên. Vậy tịch lặng gọi là không, lay động gọi là trần, nên lấy sự "lay động" là nghĩa chữ Trần."

Phật nói:

"Đúng thế!"

Tức thời, Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm, hỏi A Nan:

"Nay người thấy gì?"

A Nan đáp:

"Con thấy bàn tay của Như Lai lúc mở lúc nắm."

Phật bảo A Nan:

"Người thấy tay ta mở nắm, là tay ta có mở có nắm, hay cái thấy của người có mở có nắm?"

A Nan đáp:

"Bàn tay của Như Lai tự mở nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở nắm."

Phật hỏi:

"Cái nào động, cái nào tịnh?"

A Nan đáp:

"Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con tịnh còn chẳng có, làm sao có động!"

(bản kiến bất nhị, động tịnh đều chẳng nhiễm)

Phật nói:

"Đúng thế!"

Liền đó, Như Lai từ trong bàn tay phóng ra một tia hào quang rọi bên phải A Nan. A Nan liền quay đầu bên phải, Phật lại phóng một tia hào quang rọi bên trái A Nan, A Nan lại quay đầu nhìn bên trái, Phật bảo A Nan:

"Đầu ngươi vì sao lại lay động?"

A Nan đáp:

"Con thấy Như Lai phóng hào quang đến hai bên cạnh con, nên theo đó nhìn qua nhìn lại, đầu tự lay động."

"A Nan, ngươi nhìn theo hào quang lay động là đầu ngươi động hay cái thấy động?"

"Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có, nói gì lay động! (bản kiến không đối đãi, động và chẳng động đều chẳng dính dáng.)

Phật nói:

"Đúng thế!"

Do đó, Phật bảo đại chúng rằng:

"Nếu chúng sanh cho "lay động" là trần, "chẳng trụ" là khách, các ngươi hãy xem, như A Nan đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng động; lại tay ta tự mở nắm mà tánh thấy chẳng mở nắm. Vậy sao các ngươi hiện nay lại cho động là thân, cho động là cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo. Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận vật làm mình, tự trôi lăn theo dòng sanh tử, cam chịu luân hồi.

\* \* \*

### **Ghi chú**

1. *Sa Ma Tha*: thiền định cực tịnh đồng như không quán.
2. *Tam Ma Đề*: thiền định phát dụng biến hóa, đồng như giả quán.
3. *Thiền Na*: thiền định tịch diệt, là năng sở đối đãi, đồng như trung đạo quán.
4. *Bản thức*: bản tâm, bản kiến, bản văn, bản giác, bản tri đều là biệt danh của tự tánh.
5. *Tu hành*: Theo đúng pháp môn thực hành, có tu có chứng, mới được gọi là tu hành.

## **Kinh Thủ Lăng Nghiêm**

### **Quyển II**

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thi đến nay, lạc mất bản tâm, lầm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần, hôm nay khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn chơn vọng hư thật của thân tâm, phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt ngay trước mắt.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

"Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Tỳ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đặc đạo), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là niết bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe."

Phật nói với vua:

"Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này đồng như kim cang, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?"

"Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất."

Phật nói:

"Đúng thế, đại vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?"

"Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mơn mớn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!"

Phật nói:

"Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!"

"Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười, khi ba mươi tuổi lại sút hơn lúc hai mươi, đến nay đã sáu mươi hai, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dời đổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, trong mỗi sát na niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy."

Phật nói:

"Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?"

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

"Con thật chẳng biết!"

Phật nói:

"Nay ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?"

Vua đáp:

"Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng."

Phật nói:

"Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?"

Vua đáp:

"Tánh thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác. (bản kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi).

Phật nói:

"Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Không ạ!"

Phật nói:

"Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh (năng thấy) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến; biết ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mạt Gài Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt!"

Vua nghe Phật dạy, tin biết bốn kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có.

Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ, quỳ gối bạch Phật.

"Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan:

"Nay người thấy tay ta là chánh hay đảo?"

A Nan đáp:

"Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo."

Phật bảo A Nan:

"Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?"

A Nan đáp:

"Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh."

Phật liền giờ cánh tay lên, bảo rằng:

"Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các người gọi là tánh điên đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?"

\* \* \*

### **Lược giải**

*Thanh tịnh pháp thân tức diệu tâm sáng tỏ chơn thật (gốc), kiến văn giác tri tức là vật do diệu tâm hiện ra (ngọn); về gốc là chánh, theo ngọn là đảo, ví như bọt nổi nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Phật hỏi A Nan: người thấy tay ta là chánh hay đảo? Khi đó A Nan nên ở nơi tánh thấy của mình trực ngộ thế nào chánh, thế nào đảo, chẳng nên nơi tay Như Lai cho là chánh, là đảo. Cũng như Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, chẳng nhờ căn thức được thấy pháp thân Như Lai, gọi là Chánh Biến Tri. Dùng mắt A Nan để thấy tay Như Lai lại ở nơi tay phân biệt chánh hay đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh nên gọi là tánh điên đảo.*

\* \* \*

Khi ấy A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm bảo khắp trong hội rằng:

"Các thiện nam tử! Ta thường nói: các duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn, vui, yêu, ghét, v.v...) các pháp sở duyên (cảnh trần) đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê (vọng tâm) nơi ngộ (diệu tâm) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh (diệu tâm sáng tỏ) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tướng (vọng tướng), tướng (vọng sắc) làm thân, nhiếp tri thân tâm là thứ thứ tám, tụ duyên là động bên trong là thức thứ bảy, dòng ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên

vọng trần, mà nhận tướng nhiều loạn lằng xằng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện, ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt nước cho đó là bao gồm tất cả nước biển, cũng như các người, tự bỏ Bản Kiến, lại ở nơi tay ta phân biệt chánh, đảo, thật là mê lại thêm mê. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy."

A Nan thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

"Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dầu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là bản tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con, để được đến đạo vô thượng."

Phật bảo A Nan:

"Các người nay còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, cũng chẳng biết ngón tay. Tại sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho cái bản thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được hai tướng sáng tối vậy. Các người cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tiếng thuyết pháp của ta, cho là tâm của các người, thì tâm này phải lìa sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt. Ví như người đi đường ở lại khách sạn, nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trú, còn người giám đốc khách sạn thì khỏi đi đâu cả, nên gọi là chủ. Nay cũng như thế, nếu là chơn tâm (chủ) của người thì khỏi cần đi đâu, sao lại lìa âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt? Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, lìa các sắc tướng chẳng có thể của tánh phân biệt cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (thần ngã). Nếu lìa các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trả về, lấy gì làm chủ?"

A Nan nói:

"Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói, sao chẳng có chỗ trả về? Xin Phật thương xót, khai thị cho con."

Phật bảo A Nan:

"Nay người thấy được ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (đệ nhị nguyệt), kiến tinh này chẳng phải diệu tâm sáng tỏ (đệ nhất nguyệt), gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về. A Nan, như đây, giảng

đường mở cửa bên đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối; chỗ có cửa nẻo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa. A Nan, người xem các tướng biến hóa này, nay ta trả về chỗ bản nhân của nó! Sao gọi là bản nhân? Các tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời, tại sao? Vì không mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa nẻo, nghẽn trả về vách tường, duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những loại này, vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu? Nếu trả cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối, thế thì sáng tối chẳng thể phân biệt, còn bảy thứ kia cũng giống như vậy. Những cái trả về được tất nhiên chẳng phải người, cái không thể trả về, chẳng phải người là ai? Vậy biết tâm người vốn diệu minh trong sạch, người tự mê muội lạc mất bản tâm, cam chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!"

A Nan nói:

"Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?"

Phật bảo A Nan:

"Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, có Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm. A Nan, nay ta cùng người xem cung điện của Tứ Thiên Vương, từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ, đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt, nay ta cho người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng? A Nan, cùng tột sức thấy của người, từ cung trăng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông, đất đai, người thú, cỏ lá... đều là vật chứ chẳng phải người. A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của người mà nhìn thấy. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác, cái kiến tinh diệu minh này chính là tánh thấy của người.

Nếu kiến tinh là vật thì người cũng có thể thấy kiến tinh của ta, nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh ta, thì lúc ta chẳng thấy, sao người không thấy chỗ chẳng thấy của ta? Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; nếu không thấy chỗ chẳng thấy của ta, thì kiến tinh tất

nhiên phi vật, sao lại chẳng phải người?

Nếu kiến tinh là vật, thì vật của có tánh thấy, lúc người thấy vật, vật cũng thấy người, thể tánh lẫn lộn thì người và ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập. A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải ta thấy, thì cái tánh thấy cùng khắp đó không phải người là ai? Sao lại tự nghi chơn tánh của người cho là chẳng chơn, mà cầu sự thật nơi ta?"

\* \* \*

### **Lược giải**

Tại sao nói kiến tinh này là người chẳng phải vật? Nếu kiến tinh là vật thì kiến tinh của ta người cũng thấy được, nhưng sự thật thì kiến tinh của ta người chẳng thể thấy.

Nếu nói ta thấy người thấy, lúc cùng thấy tức là thấy kiến tinh của ta, vậy thì lúc ta thấy, người đã thấy được rồi, lúc ta chẳng thấy, người cũng phải thấy được chứ, mà sự thật lại chẳng như thế.

Nếu nói lúc thấy là dùng cái thấy để thấy, lúc chẳng thấy là dùng cái chẳng thấy để thấy, gọi là thấy chỗ chẳng thấy của ta, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái tướng chẳng thấy kia? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho người thấy được, tức là tướng thấy, lại chẳng phải tướng chẳng thấy. Vậy biết: chỗ chẳng thấy của ta, người nhất định chẳng thể thấy được; lúc ta chẳng thấy, người đã chẳng thể thấy được thì lúc cùng thấy cũng chẳng thể thấy, thấy và chẳng thấy đều chẳng thể chỉ ra kiến tinh, vậy kiến tinh của ta rõ ràng phi vật. Kiến tinh của ta phi vật thì kiến tinh của người cũng là phi vật vậy.

Kiến tinh của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật, làm sao chẳng phải người? Đây là dùng cái nghĩa chẳng thể thấy để sáng tỏ kiến tinh phi vật. Nếu kiến tinh có thể thấy được thì kiến tinh cũng là vật vậy, làm sao được làm chủ vạn tượng mà an lập cõi thế gian.

"Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con chứ chẳng phải ai khác, thì khi con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên Vương và cung trắng, tánh thấy này cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá, chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang. Thế Tôn, tánh thấy như vậy, bản thể vốn cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ một phòng, vậy là do tánh thấy rút lớn thành nhỏ, hay do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ."

Phật bảo A Nan:

"Tất cả sự vật lớn, nhỏ trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, vì như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông, ta lại hỏi người: hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào,

nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói "trừ bỏ tướng vuông của hư không" (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

Cũng như người hỏi: khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục một lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, tùy vật xoay chuyển, nên thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng, thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm mười phương quốc độ trên đầu một mảy lông."

"Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là diệu tánh của con, thì diệu tánh nay ở ngay trước mắt; diệu tánh đã là con thì thân tâm con lại là vật gì?

Nếu nói thân tâm chẳng phải diệu tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật; nếu nói trước mắt đều là diệu tánh, thì cái kiến tinh kia sao lại chẳng phân biệt được thân con?

Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia, thật là bản tâm của con thì phải cho con thấy ngay, vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con, thế thì kiến tinh đã ở bên ngoài thân, sao được gọi là diệu tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia đã hỏi gạn rằng: "vật thấy được con?" Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ."

Phật bảo A Nan:

"Nay người nói kiến tinh ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được. Nay ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, người hãy ở trước tòa sư tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu kiến tinh thật ở trước mắt người, thì người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!"

A Nan nói:

"Nay con ở giảng đường này, nhìn ra từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói: chẳng những hàng hữu lậu sơ học

Thanh Văn như chúng con, cho đến Bồ Tát, cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh lia tất cả vật riêng có tự tánh."

Phật nói:

"Đúng thế! Đúng thế!"

Phật lại bảo A Nan:

"Như lời người nói, chẳng có kiến tinh lia tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà người chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay ta lại bảo người: người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho người chỉ, người hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?"

A Nan đáp:

"Co xem khắp cả rừng Kỳ Đà, thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây; như vậy cho đến nếu hư không chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không. Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả."

Phật nói:

"Đúng thế! Đúng thế!"

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngơ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ.

Như Lai biết họ băn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng:

"Các thiện nam tử, lời chơn thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối chẳng vọng, như sở như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!"

\* \* \*

### **Lược giải**

*Tại sao ngơ ngác chẳng biết đầu đuôi của nghĩa này? Vì trước thì nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật; trước nói diệu tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra, nên ngơ ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay vậy.*

*"Nói lời chơn thật, như sở như thuyết..." tức ngũ ngữ trong Kinh Kim Cang. Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung với Nhị Thừa (có sanh tử để diệt, có niết bàn để chứng); thật ngữ là nghĩa chung với Bồ Tát (nghĩa Đại Thừa, sanh tử và niết bàn đều như hoa đóm trên không); như ngữ là nghĩa chẳng chung với Tam Thừa (trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể*

diễn tả); vô thật vô hư; vô hư nên bất cuồng ngữ (chẳng dối), vô thật nên bất dị ngữ (thấy trước việc chưa đến gọi là bất dị). Ở đây chỉ dùng hai chữ "chẳng vọng" để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: ngoại đạo chấp cõi trời thường trụ gọi là bất tử, cho "chẳng đáp càn" được sanh cõi trời ấy, nếu thật chẳng biết mà đáp càn, sợ thành càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng "lời bí mật chẳng nên nói hết", hoặc đáp chẳng định. Phật quả rằng: họ thật là kẻ càn loạn vậy.

\* \* \*

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: "Đại chúng tòng hội này chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với Kiến Tinh và Sắc Không của Như Lai vừa hiển bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị kia vốn là vật gì?"

Phật bảo Văn Thù và đại chúng:

"Mười phương Như Lai và đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, kiến tinh (năng kiến) với sắc không (sở kiến), ý năng tưởng, tướng sở tưởng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Thị hay Phi Thị ở trong đó? Văn Thù, nay ta hỏi ngươi, như ngươi là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chẳng?"

"Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có thị tức có hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng thị và phi."

Phật nói:

"Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là thị nguyệt, cái nào là phi nguyệt? Văn Thù, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng thị nguyệt, phi nguyệt. Cho nên nay ngươi phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tưởng, chẳng thể chỉ ra thị hay phi thị. Vì giác tánh tinh diệu sáng suốt, nên khiến ngươi được vượt khỏi "chỉ và phi chỉ" vậy."

A Nan bạch Phật rằng:

"Đúng như Pháp Vương nói, Bản Giác khắp mười phương thế giới, trạm nhiên thường trụ, tánh chẳng sanh diệt. Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La và những ngoại đạo nói có Chơn Ngã cùng khắp mười phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này do Đại

Huệ rằng: "Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ." Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật sáng tỏ của diệu tâm."

Phật bảo A Nan:

"Nay ta dùng phương tiện chơn thật như vậy khai thị cho người, người còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên thì tự phải xét rõ cái thể của tự nhiên, người hãy quán xét trong bản kiến diệu minh này, lấy gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rộng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể? Nếu sáng là tự thể thì chẳng thể thấy tối, nếu rộng không là tự thể thì chẳng thể thấy ngăn bít, như vậy cho đến nếu lấy tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng?"

A Nan nói:

"Nếu bản tánh diệu kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai: nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?"

Phật bảo:

"Người nói nhân duyên, ta lại hỏi người, nay người nhân kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy? Nhân rộng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy?"

A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rộng không, nhân ngăn bít, đều đồng như sáng tối.

Lại nữa, A Nan, kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rộng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy?

A Nan, nếu duyên rộng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rộng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rộng không và ngăn bít.

Nên biết cái bản giác diệu minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. Vô phi và bất phi, vô thị và phi thị, lìa tất cả tướng, là tất cả pháp.

Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hý luận của thế gian, vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?"

"Bạch Thế Tôn! Nếu bản kiến diệu minh phi nhân phi duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các tỳ kheo rằng: tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?"

Phật nói:

"Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa. A Nan, ta lại hỏi ngươi: người thế gian nói "tôi thấy", vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?"

A Nan đáp:

"Người thế gian nhờ ánh sáng nhật nguyệt và đèn, thấy tất cả tướng gọi là thấy, nếu không có ba thứ ánh sáng này thì chẳng thể thấy."

"A Nan, nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì chẳng thể thấy tối, nếu thấy tối chỉ là không sáng thì sao gọi là chẳng thấy?"

A Nan, nếu lúc tối chẳng thấy sáng gọi là chẳng thấy, mà lúc sáng chẳng thấy tối cũng phải gọi là chẳng thấy, vậy thì hai tướng sáng tối đều gọi là chẳng thấy.

Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của ngươi tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều là thấy, sao nói chẳng thấy?

A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, kiến tinh chẳng phải sáng; trong lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; trong lúc thấy rõ không, kiến tinh chẳng phải rõ không; trong lúc thấy ngăn bít, kiến tinh chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn sẵn như vậy.

Lại ngươi nên biết: kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập, tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Hàng Thanh Văn như các người trí kém tâm hẹp, chẳng thông đạt thật tướng trong sạch, nay tay dạy ngươi nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

\* \* \*

### **Lược giải**

*Hai chữ kiến kiến tức là bản kiến tự nhiên, chẳng có năng kiến, sở kiến, Phật đã giải thích kỹ càng trong quyển nhì này; nếu có năng sở, đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy, có năng kiến năng giác đều là bệnh. Vì bản kiến bản giác chẳng ở trong bệnh mới gọi là kiến kiến, tức là kiến tánh. Tự tánh chẳng phải sở kiến, nên cũng chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên nói kiến còn phải là kiến (kiến do ly kiến), vì năng kiến chẳng thể thấy đến, nên nói kiến bất năng cập.*

\* \* \*

"Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hoà hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói kiến kiến phi kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được diệu tâm sáng tỏ trong sạch."

Nói xong, rơi lệ đánh lễ, kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng, sắp khai giảng pháp tổng trì (tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa), những đường tu vi diệu của các thiện quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

"Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma Tha, tâm còn chưa rõ, nay người hãy chú ý nghe, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

Một là vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.

Hai là vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.

Sao gọi là vọng kiến biệt nghiệp?

A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhắm, ban đêm thấy ánh sáng, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?

Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhắm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhắm mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhắm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

Lại nữa, A Nan! Nếu lia ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu lia kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhắm lại thấy bóng tròn? Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhắm, kẻ thấy được nhắm thì chẳng phải bệnh; chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải bản thể, cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt. Tại sao? Vì do dụi mắt mới thành có đệ nhị nguyệt. Người trí chẳng nên truy cứu cái đệ nhị nguyệt này là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải kiến tinh, vì đó là do dụi mắt sanh ra, thế thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhắm mà thành, nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Huống còn vọng sanh phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư?

Sao gọi là vọng kiến đồng phận?

A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra, phần đất bằng gồm có ba ngàn châu, ở giữa là đại châu, đông tây bao gồm hai ngàn ba trăm nước, ngoài ra các tiểu châu ở giữa biển hoặc có từ hai trăm đến ba trăm nước, hoặc có từ một, hai cho đến bốn mươi, năm mươi nước. A Nan, ví như trong đó có một tiểu châu, chỉ có hai nước, dân một nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra, v.v... chỉ cả nước này thấy đủ thứ ác tướng

như vậy, còn dân nước kia lại chẳng hề thấy nghe những ác tướng đó.

A Nan, nay ta vì người đem hai việc kể trên so sánh cho rõ: như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình như có cảnh tượng trước mặt, nhưng cái thấy ấy vốn do mắt nhắm mà thành, nhắm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người thấy được nhắm thì chẳng có kiến bệnh (biết Phật tánh vẫn là bệnh, phải được thấy Phật tánh mới hết bệnh).

Như người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thủy. Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy, nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, giống cái giác minh của người duyên cái sở thấy thành nhắm.

Bản giác có năng thấy tức là nhắm. "Bổn giác minh tâm" là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đó mới thật là kiến kiến (tức là kiến tánh). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi là Kiến, Văn, Giác, Tri nữa!

Cho nên, người hôm nay thấy ta, thấy người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh, thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là kiến.

A Nan! Vọng kiến đồng phận của cả nước, cũng như vọng kiến biệt nghiệp của một người. Người mắt nhắm thấy bóng tròn kia là do biệt nghiệp sở sanh; cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy.

Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu, đều vì đem cái sáng tỏ vô lậu của diệu tâm, cùng với bệnh duyên hư vọng của kiến, văn, giác, tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được bản tâm trong sạch bản giác thường trụ.

A Nan! Người dù đã ngộ bản giác diệu minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ bản giác này chẳng phải do hòa hợp sanh, cũng chẳng phải không hòa hợp. A Nan, ta dùng sự tiền trần hỏi người, nay người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi. Vậy thì cái kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hòa với nghẽn?

Nếu hòa với sáng, thì khi người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xen lộn ở đâu? Tướng thấy còn có thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

Nếu chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì còn chỗ nào để hòa với kiến tinh. Kiến tinh phải khác với sáng, khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa nghên nghĩa cũng như vậy.

Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của người là hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với nghên?

Nếu hợp với sáng, thì khi tối, tướng sáng đã diệt, thì kiến tinh này chẳng thể hợp với tối, làm sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối, thì khi hợp với sáng của chẳng phải thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng, và biết cái sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghên cũng như vậy."

"Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ, cái bản giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hòa hợp."

Phật bảo:

"Nay người lại cho là chẳng hòa hợp, ta lại hỏi người, cái kiến tinh này nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối? Chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với nghên?"

Nếu chẳng hòa với sáng, thì kiến tinh với cái sáng phải có ranh giới, vậy người hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghên nghĩa cũng như vậy.

Lại nữa, kiến tinh của người nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghên? Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp nghên nghĩa cũng như vậy.

A Nan! Người còn chưa rõ tất cả tướng huyền hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyền hóa hư vọng này vốn là diệu giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là cho diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi là diệu minh thường trụ, bất động chu viên (cùng khắp không gian), diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc."

**Ngũ âm vốn vô sanh**

"Sao nói ngũ âm vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh chơn như?"

**1. Sắc âm vốn vô sanh**

"A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (hoa đốm dụ cho sắc ấm), hoặc thấy những tướng lăng xăng giả dối. Nên biết sắc ấm cũng vậy.

A Nan! Những hoa đốm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở vào hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng thể dung nạp tướng hoa đốm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt, nếu từ mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không, thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói thấy hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên."

## **2. Thọ ấm vốn vô sanh**

"A Nan! Ví như có người tay chân khoẻ mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn sự thuận nghịch, người ấy vô cớ hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay. Nên biết thọ ấm cũng vậy.

A Nan! Những xúc giác huyễn hóa này (xúc giác dụ cho thọ ấm), chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc ư?

Nếu từ bàn tay ra thì chẳng cần đợi hai bàn tay hợp lại mới có xúc giác; lại, đã từ bàn tay ra, lúc hai tay hợp lại biết có xúc giác, lúc hai tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào, vậy xương tủy, cánh tay cũng phải biết được cái dấu tích của xúc giác khi vào. Nếu có tâm biết ra biết vào, thì phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần đợi hai tay hợp rồi mới gọi là tiếp xúc!

Nên biết thọ ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

## **3. Tưởng ấm vốn vô sanh**

A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, (nước miếng và ghê rợn dụ cho tưởng ấm), nên biết tưởng ấm cũng vậy.

A Nan! Cái tiếng chua này chẳng từ trái mơ ra, cũng chẳng từ miệng ra. Nếu từ trái mơ ra thì trái mơ tự biết nói, đâu cần đợi người nói? Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi tai nghe? Nếu chỉ riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tưởng tượng mình leo

dốc thì cũng như vậy. Nên biết tướng âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên."

#### **4. Hành âm vốn vô sanh**

"A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (dòng nước dụ cho hành âm), làn sóng nổi tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết hành âm cũng vậy.

A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng lìa hư không và nước.

Nếu do hư không sanh ra thì mười phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận, và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, hai tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng phải là nước; nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng lại chẳng phải tự thể của nước. Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài, và ngoài nước ra chẳng có dòng nước. Nên biết hành âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên."

#### **5. Thức âm vốn vô sanh**

"A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (cái bình dụ cho nghiệp thân), trong đựng đầy hư không (hư không dụ cho thức âm), bít kín miệng bình đem xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết thức âm cũng vậy.

A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia, cũng chẳng phải từ phương này vào. Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi, thì phương kia phải thiếu hư không. Nếu từ phương này vào, khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra. Nên biết thức âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

\* \* \*

#### **Lược giải**

*Trung Quán Luận có bài kệ rằng:*

*Các pháp chẳng tự sanh,*

*Cũng chẳng phải tha sanh,*

*Chẳng cộng chẳng vô nhân,*

*Cho nên nói Vô Sanh.*

*Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh. Sao nói chẳng tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh. Sao nói chẳng cộng sanh? Vì tự và tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là vô sanh, vì chẳng có lý do nào để sanh vậy.*

*Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì sắc như bụi mắt thấy hoa đóm trên không; thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; tướng như*

*nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh (nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh); thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức. Bản giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình, ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi. Lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến thất đại ở quyển sau, đều sáng tỏ nghĩa này. (Vạn pháp vốn vô sanh).*

---

Nguồn: Canary/ VNthuquan - Thư viện Online  
Từ Ân Thiền Đường, Santa Ana Hoa Kỳ xuất bản 1990  
Người đăng: Ct.Ly  
Thời gian: 16/08/2009 1:31:06 SA